

Số: 16/2021/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai
năm 2022, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

Xét Tờ trình số 14760/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp và chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai

1. Đảm bảo nguyên tắc ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò cân đối, đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, đồng thời, phải đảm bảo nguồn để hỗ trợ, bổ sung cho những địa phương có nguồn thu thấp.

2. Kế thừa những ưu điểm, khắc phục những hạn chế của quy định phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2021.

3. Việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quy định của Quốc hội.

4. Đảm bảo nguồn thu theo khả năng quản lý của từng cấp ngân sách, tăng tính chủ động trong việc sử dụng ngân sách của các cấp chính quyền địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế và xã hội. Đồng thời, nguồn thu phải gắn với nhiệm vụ chi và khả năng quản lý của từng cấp chính quyền địa phương.

5. Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách cấp huyện, cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại Điểm d, Khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, trong thời kỳ ổn định ngân sách, đối với các khoản thu mà chưa được dự toán làm ngân sách cấp huyện, cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên (cấp tỉnh).

6. Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 3. Phân cấp cơ quan thuế trong việc quản lý đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Tiếp tục thực hiện và vận dụng Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp; Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế và các văn bản khác có liên quan. Trong quá trình điều hành ngân sách thì thực hiện theo quy định của các văn bản tại thời điểm có hiệu lực hoặc thay thế.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Đồng Nai

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản tiền phạt chậm nộp tương ứng:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Ngân sách tỉnh hưởng 45%.

b) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:

- Cục thuế quản lý thu: ngân sách tỉnh hưởng 45%.

- Chi Cục thuế quản lý thu: ngân sách cấp huyện hưởng 45%.

Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh (hộ thuế khoán): ngân sách cấp xã hưởng 45%.

2. Thuế thu nhập cá nhân:

- Cục thuế quản lý thu: ngân sách tỉnh hưởng 45%.

- Chi Cục thuế quản lý thu: ngân sách cấp huyện hưởng 45%.

3. Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu):

- Cục thuế quản lý thu: ngân sách tỉnh hưởng 45%.

- Chi Cục thuế quản lý thu: ngân sách cấp huyện hưởng 45%.

Riêng thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Thu tiền sử dụng đất:

a) Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 40% (trong đó trích tạo vốn cho Quỹ phát triển đất 30%; trích tạo vốn cho Quỹ phát triển nhà 10%); Ngân sách cấp huyện được hưởng 60% để chi đầu tư phát triển.

Riêng các trường hợp sau không thực hiện trích theo tỷ lệ trên, cụ thể:

- Các khoản thu từ các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất có giá trị trúng đấu giá từ 100 tỷ đồng trở lên/cuộc đấu giá: ngân sách tỉnh hưởng 100% để chi đầu tư phát triển, cụ thể:

+ Bố trí vốn cho các dự án cấp thiết của cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm của tỉnh.

+ Trường hợp các huyện, thành phố có dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên không đạt dự toán thu cân đối tiền sử dụng đất để chi đầu tư phát triển được giao hàng năm, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung nguồn còn thiếu cho ngân sách cấp huyện nhưng số bổ sung không vượt quá số thu của các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất nêu trên.

- Các khoản tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

b) Đối với khoản thu tiền sử dụng đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội): ngân sách trung ương hưởng 100%.

c) Trường hợp ghi thu - ghi chi: ngân sách cấp nào thực hiện ngân sách cấp đó hưởng 100%.

d) Đối với tiền sử dụng đất tương đương giá trị quỹ đất 20% trong các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại theo điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

5. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền phạt chậm nộp: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư số 61/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về phân cấp nguồn thu giữa cơ quan trung ương và địa phương (cấp tỉnh). Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Khoản thu thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) và tiền phạt chậm nộp:

a) Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

b) Thu từ doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:

- Cục thuế quản lý thu: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

- Chi Cục thuế quản lý thu: ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

7. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu: Ngân sách tỉnh hưởng 100%.

8. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước và tiền phạt chậm nộp; ghi thu tiền cho thuê đất, mặt nước:

- Cục thuế quản lý thu: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

- Chi Cục thuế quản lý thu: ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

Riêng tiền cho thuê đất thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (theo khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 53/2017/QH ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội): ngân sách trung ương hưởng 100%. Trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện theo các quy định hiện hành hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp:

- Cục thuế quản lý thu: ngân sách tỉnh hưởng 100%.
- Chi Cục thuế quản lý thu: ngân sách cấp huyện hưởng 100%.
- Xã, phường, thị trấn quản lý thu: ngân sách cấp xã hưởng 100%.

10. Thu lệ phí trước bạ: ngân sách cấp huyện hưởng 100%.

Riêng lệ phí trước bạ nhà đất: ngân sách cấp huyện hưởng 50%, ngân sách cấp xã hưởng 50%

11. Các loại phí, lệ phí do cơ quan cấp nào tổ chức thu thì cơ quan đó hưởng 100%. Riêng các trường hợp sau không thực hiện trích theo tỷ lệ trên, cụ thể:

- a) Lệ phí môn bài: ngân sách cấp xã hưởng 100%.
- b) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải: ngân sách tỉnh hưởng 100%.
- c) Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

12. Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

13. Các khoản thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản: ngân sách cấp xã hưởng 100%.

14. Thu khác ngân sách:

a) Thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa; phạt, tịch thu khác: Cơ quan nhà nước thuộc cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

b) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100%.

c) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

d) Các khoản thu còn lại: Cơ quan nhà nước cấp nào quyết định thì ngân sách cấp đó được hưởng 100% (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng theo quy định).

15. Các khoản thu sự nghiệp; thu kết dư; thu chuyển nguồn; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên; thu huy động, đóng góp viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thuộc thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng) thuộc ngân sách cấp nào cấp đó hưởng 100%.

16. Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết; thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu huy động vốn đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: ngân sách tỉnh hưởng 100%.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo



Phụ lục

**TỶ LỆ PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
NĂM 2022, GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	Trung ương	Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
-	Thuế xuất khẩu	100	100			
-	Thuế nhập khẩu	100	100			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	100	100			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	100	100			
-	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam	100	100			
-	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu	100	100			
-	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	100	100			
-	Phí, lệ phí hải quan	100	100			
II	Thu nội địa (bao gồm các khoản thu tiền chậm nộp)					
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước: trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	55	45		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	100				
	Do Cục thuế quản lý thu		55	45		
	Do Chi Cục thuế quản lý thu		55		45	
	Riêng thu từ các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh (hộ thuế khoán)		55			45
2	Thuế thu nhập cá nhân					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100	55	45		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100	55		45	
3	Thuế bảo vệ môi trường					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100	55	45		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100	55		45	
	Riêng thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu hàng nhập khẩu để bán ra trong nước	100	100			
*	Đối với sản phẩm xăng, dầu thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính					
-	Số thu tính trên 37,2%	100	55	45		
-	Số thu tính trên 62,8%	100	100			
4	Thu tiền sử dụng đất					
a	Thu cân đối (thực thu)	100		40	60	
	Riêng các khoản thu từ các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất có giá trị trúng đấu giá từ 100 tỷ đồng trở lên/cuộc đấu giá; Thu tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất	100		100		
b	Đối với khoản thu thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	100	100			
c	Ghi thu ghi chi					
-	Tỉnh thực hiện	100		100		
-	Cấp huyện thực hiện	100			100	

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	Trung ương	Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
d	Thu tương đương giá trị quỹ đất 20% trong các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại	100		100		
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
-	Giấp phép do Trung ương cấp	100	70	30		
-	Giấp phép do UBND tỉnh cấp	100		100		
6	Thuế tài nguyên					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước; trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh					
	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
7	Thu từ thu nhập sau thuế (thu cổ tức)	100		100		
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước; ghi thu tiền thuê mặt đất, mặt nước					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
	Riêng tiền thuê đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	100	100			
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
-	Do xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100
10	Lệ phí trước bạ	100			100	
	Riêng Lệ phí trước bạ nhà, đất	100			50	50
11	Thu phí, lệ phí					
a	Lệ phí môn bài	100				100
b	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản					
-	Do cơ quan tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan cấp huyện tổ chức thu	100			100	
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải	100		100		
d	Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông	100		100		
đ	Các loại khác					
-	Do cơ quan trung ương tổ chức thu	100	100			
-	Do cơ quan tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan cấp huyện tổ chức thu	100			100	
-	Do cơ quan xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100
12	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100		100		
13	Các khoản thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	100				100
14	Thu khác ngân sách					
a	Thu phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác					
-	Cơ quan Tỉnh tổ chức thực hiện	100		100		
-	Cơ quan cấp huyện tổ chức thực hiện	100			100	
-	Cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện	100				100
b	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước					
-	Do cơ quan Tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Cơ quan cấp huyện tổ chức thực hiện	100			100	
-	Do cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	Trung ương	Tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
c	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		100		
d	Các khoản thu còn lại					
-	Cơ quan Trung ương tổ chức thực hiện	100	100			
-	Cơ quan Tỉnh tổ chức thực hiện	100		100		
-	Cơ quan cấp huyện tổ chức thực hiện	100			100	
-	Cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện	100				100
15	Thu sự nghiệp					
-	Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý	100	100			
-	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý	100		100		
-	Các đơn vị do cơ quan cấp huyện quản lý	100			100	
-	Các đơn vị do xã, phường, thị trấn quản lý	100				100
16	Thu chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm trước sang năm sau; thu kết dư ngân sách năm trước					
a	Ngân sách tỉnh	100		100		
b	Cấp huyện	100			100	
c	Ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
17	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
a	Trung ương bổ sung ngân sách tỉnh	100		100		
b	Tỉnh bổ sung ngân sách cấp huyện	100			100	
c	cấp huyện bổ sung ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
18	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên					
a	Nộp lên ngân sách Trung ương	100	100			
b	Nộp lên ngân sách tỉnh	100		100		
c	Nộp lên ngân sách cấp huyện	100			100	
19	Thu huy động, đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thu được cơ quan thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng)					
a	Trung ương tổ chức thu nộp	100	100			
b	Tỉnh tổ chức thu nộp	100		100		
c	cấp huyện tổ chức thu nộp	100			100	
d	Xã, phường, thị trấn tổ chức thu nộp	100				100
20	Thu xổ số kiến thiết	100		100		
21	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	100		100		
22	Thu huy động vốn đầu tư theo Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước	100		100		